

Bản án số 27/2019/HS-ST
Ngày 04 tháng 4 năm 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, bà Hoàng Thị L.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị H - là Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 04/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/TLST- HS ngày 21/02/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Trương Văn M, tên gọi khác: Trương Hữu T, sinh năm: 1986 tại xã Q, huyện N, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn Sải, xã Q, huyện N, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Giới tính: Nam. Trình độ văn hóa: Lớp 9/12. Con ông: Trương Thái H và bà Phạm Thị H; vợ con chưa có. Tiền án: Không. Tiền sự:

Ngày 22/01/2016, Tòa án nhân dân huyện N ra quyết định số 04/2016/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Trương Văn M, thời hạn 24 tháng. Ngày 14/4/2018, Trương Văn M chấp hành xong quyết định.

Lịch sử bản thân:

+ Tại bản án số 60/2007/HSST ngày 16/11/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh N, xử phạt Trương Văn M 08 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 31/8/2011 chấp hành xong bản án.

+ Tại bản án số 03/2012/HSST ngày 16/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh N xử phạt Trương Văn M 30 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 02/5/2014, M chấp hành xong bản án.

+ Ngày 20/8/2015, Trương Văn M bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh N ra quyết định xử phạt hành chính “Cảnh cáo”, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/11/2018, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Bùi Thị C, sinh năm 1996– Có mặt.

Trú tại: Thôn H, xã Vĩnh H, huyện V, tỉnh T.

2. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn C, xã S, huyện N, tỉnh N.

3. Anh Trương Duy Đ, sinh năm 1980. Vắng mặt.
Trú tại: Xóm N, xã Y, huyện Y, tỉnh H
Người làm chứng: Ông Vũ Hữu S, anh Tạ Việt A đều vắng mặt; chị Tạ Thị Thùy L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn M là người sử dụng ma túy. Khoảng 15 giờ ngày 19/11/2018, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-581.95 đi từ nhà đến khu vực bến xe khách N, thị trấn N, huyện N, tỉnh N gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 03 túi ma túy đá với giá 1.200.000 đồng, 03 túi ma túy đá được đựng trong túi salonpas màu trắng bạc, M cất giấu vào túi quần bên phải phía trước mà mình đang mặc, rồi điều khiển xe mô tô về nhà mình. Khi đi đến khu vực chợ S, thuộc xã V, huyện N, M nhặt 01 túi nilon màu vàng ở ven đường xé ra thành nhiều mảnh, M lấy 03 túi ma túy đá mua trước đó rồi dùng mảnh túi nilon màu vàng gói 3 lớp bên ngoài, mỗi lớp M đều dùng bật lửa hơi nóng để mảnh túi nilon màu vàng dính cố định. Sau đó, M cho vào túi salonpas gói tiếp bên ngoài bằng mảnh vỏ túi nilon màu vàng dùng bật lửa hơi nóng, rồi cất giấu vào túi quần phía trước bên phải. M tiếp tục điều khiển xe mô tô đến ngã ba Rịa, thuộc xã P, huyện N để đón Bùi Thị C, sinh năm 1996, trú tại thôn H, xã V, huyện V, tỉnh T (là bạn của M) đi chơi. Khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, M gọi điện thoại cho Tạ Thị Thùy L, sinh ngày 02/10/2000, trú tại thôn Đ, xã G, huyện G (là bạn của M, và là người sử dụng ma túy) nói “*Anh đang có đồ ở đây, em đang ở đâu có rảnh không tí qua anh em mình làm tí*” – ý rủ L cùng sử dụng ma túy, L đồng ý và nói “*Anh sang cầu để đi đón em*”. Khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, M điều khiển xe mô tô chở C, trước khi đi M không nói cho C biết về việc mình đang cất giấu ma túy. Khi M đi đến khu vực cổng nhà nghỉ Ngô Đồng ở đường 477, thuộc thôn đường 477, xã G, huyện G để chờ đón L, thì bị Tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã G đang làm nhiệm vụ tại khu vực tiến đến kiểm tra, lo sợ bị phát hiện nên M đã ném gói nhỏ ma túy đá được gói ngoài bằng mảnh túi nilon màu vàng đang cầm ở tay phải, xuống đồng cát trước cửa nhà anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984, trú tại thôn đường 477, xã G, huyện G cách vị trí M đứng 0,5m nhưng bị tổ công tác phát hiện, thu giữ. Ngoài ra, thu giữ của Trương Văn M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 35B1-581.95, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B1-581.95, số tiền 1.216.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philip vỏ màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen; thu giữ của C 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO mặt sau vỏ màu hồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VTRETU vỏ kim loại màu đen, viền màu nâu và 01 chứng M nhân dân mang tên C.

Tổ công tác Công an huyện G đã thu giữ và niêm phong gói nhỏ được gói ngoài bằng mảnh túi nilon màu vàng của Trương Văn M, để gửi đi giám định.

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N đã tiến hành mở niêm phong, gói nhỏ được gói ngoài bằng mảnh túi nilon màu vàng, tiếp đến là lớp vỏ miếng dán salonpas màu trắng bạc, tiếp đến là 03 lớp giấy nilon màu vàng gói chồng lên nhau, trong cùng là 03 túi nilon màu trắng có kích thước (1,5x1,5)cm, trong các túi nilon

đều đựng tinh thể màu trắng. 05 lớp vỏ gói sau khi bóc tách được ký hiệu lần lượt từ M1 đến M5, niêm phong theo quy định và gửi giám định gen tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

Ngoài ra, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N tiến hành thu các mẫu, gồm:

- Thu mẫu tóc bằng nhô 08 sợi tóc và niêm mạc miệng bằng 01 tấm bông đối với Trương Văn M được niêm phong theo quy định ký hiệu A1.

- Thu mẫu tóc bằng nhô 08 sợi tóc và niêm mạc miệng bằng 01 tấm bông đối với C được niêm phong theo quy định ký hiệu A2.

Các mẫu ký hiệu A1, A2 được thu giữ và niêm phong theo quy định và gửi đi giám định gen tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

Tại bản Kết luận giám định số 12/KLGD-PC09-MT ngày 21/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, kết luận:

- ***Chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu N1 có khối lượng 0,1265 gam; N2 có khối lượng 0,2639 gam; N3 có khối lượng 0,1678 gam. Tổng khối lượng chất dạng tinh thể màu trắng trong các mẫu gửi đi giám định ký hiệu N1, N2, N3 là 0,5582 gam, đều là ma túy, loại Methamphetamine.***

Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng danh mục II; số thứ tự 323; Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại bản kết luận giám định số 6517/C09 (TT3) ngày 27/11/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

- Trên các mẫu M1, M2, M3, M4, M5 gửi đi giám định đều có dính tế bào người, do lượng dấu vết ít, chất lượng dấu vết kém, không xác định được kiểu gen.

- Lưu kiểu gen (ADN) theo hệ Identifiler của Trương Văn M và C tại Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an.

Đối với 01 biển kiểm soát 35B1-581.95 và 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B1-581.95 mang tên Nguyễn Đức T là các tài sản của anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1973, trú tại thôn C, xã S, huyện N, tỉnh N. Anh T bị mất chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 35B1-581.95 từ tháng 12 năm 2016 đến nay chưa tìm thấy, anh T không đề nghị nhận lại các tài sản trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream có số khung RLHHA0804AY186035, số máy HAO8E-1486106 cho anh Đảm, sau khi anh Đảm tự nguyện trả cho bị cáo M số tiền 5.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO mặt sau vỏ màu hồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VTRETU vỏ kim loại màu đen, viền màu nâu và 01 chứng M nhân dân mang tên C cho chị C.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định chuyển: 01 biển kiểm soát 35B1-581.95 và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B1-581.95 mang tên Nguyễn Đức T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philip vỏ màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen; 01 phong bì niêm phong theo quy định trên phong bì ghi số 12/KLGD-PC09-MT bên trong đựng chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu N1 có khối lượng 0,0663 gam, N2 có khối lượng 0,1835 gam, N3 có khối lượng 0,1158 gam, đều là ma túy, loại methamphetamine; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 túi niêm phong mã số PS2A 046337 bên trong

đựng 01 vỏ hộp trà xanh Thái Nguyên niêm phong vật chứng ban đầu, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 túi niêm phong mã số PS2A 046338 bên trong đựng các mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 và mẫu tóc, tế bào thu giữ của Trương Văn M ký hiệu A1 và C ký hiệu A2, đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chuyển số tiền 1.216.000 đồng đến tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận giám định và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự(BLHS); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự(BLTTHS). Xử phạt bị cáo Trương Văn M từ 15 tháng tù đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/11/2018; Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 35B1-581.95 và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B1-581.95 mang tên Nguyễn Đức T; 01 phong bì niêm phong theo quy định trên phong bì ghi số 12/KLGD-PC09-MT bên trong đựng chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu N1 có khối lượng 0,0663 gam, N2 có khối lượng 0,1835 gam, N3 có khối lượng 0,1158 gam, đều là ma túy, loại methamphetamine; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 túi niêm phong mã số PS2A 046337 bên trong đựng 01 vỏ hộp trà xanh Thái Nguyên niêm phong vật chứng ban đầu, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 túi niêm phong mã số PS2A 046338 bên trong đựng các mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 và mẫu tóc, tế bào thu giữ của Trương Văn M ký hiệu A1 và C ký hiệu A2; Trả lại cho bị cáo Trương Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philip vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen và số tiền 1.216.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo thể hiện rõ: Do mắc nghiện ma túy từ khá lâu, để có ma túy đáp ứng nhu cầu của bản thân nên khoảng 15 giờ ngày 19/11/2018, M điều khiển xe mô tô gắn biển kiểm soát 35B1-581.95 đi từ nhà đến khu vực bến xe khách N, thị trấn N, huyện N, tỉnh N gặp và mua của một người đàn ông không

quen biết 03 túi ma túy đá được đựng trong túi salonpas màu trắng bạc với giá 1.200.000 đồng. Sau khi mua được M điều khiển xe mô tô về nhà mình. Trên đường về M đã nhặt 01 túi nylon màu vàng ở ven đường xé ra thành nhiều mảnh, M lấy 03 túi ma túy đá mua trước đó rồi dùng mảnh túi nylon màu vàng gói 3 lớp bên ngoài, mỗi lớp M đều dùng bật lửa hơi nóng để mảnh túi nylon màu vàng dính cố định. Sau đó, M cho vào túi salonpas gói tiếp bên ngoài bằng mảnh vỏ túi nylon màu vàng dùng bật lửa hơi nóng, rồi cất giấu vào túi quần phía trước bên phải. M tiếp tục điều khiển xe mô tô đến ngã ba Rịa, thuộc xã Phú Lộc, huyện N để đón C đi chơi, nhưng không nói cho C biết về việc mình đang cất giấu ma túy. Khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, M gọi điện thoại cho Tạ Thị Thùy L, trú tại thôn Đoàn Bình, xã Gia Phú, huyện G nói “*Anh đang có đồ ở đây, em đang ở đâu có rảnh không tí qua anh em mình làm tí*” – ý rủ L cùng sử dụng ma túy, L đồng ý và nói “*Anh sang cầu Đế đi đón em*”. Khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, khi M đi đến khu vực cổng nhà nghỉ Ngô Đồng ở đường 477, thuộc thôn đường 477, xã Gia Phú, huyện G để chờ đón L, thì bị Tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã Gia Phú đang làm nhiệm vụ tại khu vực tiến đến kiểm tra, lo sợ bị phát hiện nên M đã ném gói nhỏ ma túy đá được gói ngoài bằng mảnh túi nylon màu vàng đang cầm ở tay phải, xuống đồng cát trước cửa nhà anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984, trú tại đường 477, xã G, huyện G cách vị trí M đứng 0,5m nhưng bị tổ công tác phát hiện, thu giữ, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo M thừa nhận gói nhỏ vừa bị lực lượng Công an thu giữ là của M. Ngoài ra, thu giữ của Trương Văn M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream gắn biển kiểm soát 35B1-581.95, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B1-581.95, số tiền 1.216.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philip vỏ màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen; thu giữ của C 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO mặt sau vỏ màu hồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VTRETU vỏ kim loại màu đen, viền màu nâu và 01 chứng M nhân dân mang tên C.

Tổ công tác Công an huyện G đã thu giữ và niêm phong gói nhỏ được gói ngoài bằng mảnh túi nylon màu vàng của Trương Văn M, để gửi đi giám định.

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N đã tiến hành mở niêm phong, gói nhỏ được gói ngoài bằng mảnh túi nylon màu vàng, tiếp đến là lớp vỏ miếng dán salonpas màu trắng bạc, tiếp đến là 03 lớp giấy nylon màu vàng gói chồng lên nhau, trong cùng là 03 túi nylon màu trắng có kích thước (1,5x1,5)cm, trong các túi nylon đều đựng tinh thể màu trắng. 05 lớp vỏ gói sau khi bóc tách được ký hiệu lần lượt từ M1 đến M5, niêm phong theo quy định và gửi giám định gen tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G và Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N tiến hành thu các mẫu đối chiếu, gồm:

- Thu mẫu tóc bằng nhỏ 08 sợi tóc và niêm mạc miệng bằng 01 tấm bông đối với Trương Văn M được niêm phong theo quy định ký hiệu A1.
- Thu mẫu tóc bằng nhỏ 08 sợi tóc và niêm mạc miệng bằng 01 tấm bông đối với C được niêm phong theo quy định ký hiệu A2.

Các mẫu ký hiệu A1, A2 được thu giữ và niêm phong theo quy định và gửi đi giám định gen tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

Tại bản Kết luận giám định số 12/KLGD-PC09-MT ngày 21/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, kết luận:

- ***Chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu N1 có khối lượng 0,1265 gam; N2 có khối lượng 0,2639 gam; N3 có khối lượng 0,1678 gam. Tổng khối lượng chất dạng tinh thể màu trắng trong các mẫu gửi đi giám định ký hiệu N1, N2, N3 là 0,5582 gam, đều là ma túy, loại Methamphetamine.***

Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng danh mục II; số thứ tự 323; Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại bản kết luận giám định số 6517/C09 (TT3) ngày 27/11/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

- Trên các mẫu M1, M2, M3, M4, M5 gửi đi giám định đều có dính tế bào người, do lượng dấu vết ít, chất lượng dấu vết kém, không xác định được kiểu gen.

- Lưu kiểu gen (ADN) theo hệ Identifiler của Trương Văn M và C tại Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an.

Rõ ràng bị cáo đã có hành vi cất giấu 0,5582 gam, đều là ma túy, loại Methamphetamine nhằm để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định, phù hợp với biên bản vụ việc, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu giữ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo, khối lượng Methamphetamine mà bị cáo tàng trữ, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy.

[4]. Bản thân bị cáo là người đã thành niên nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, học tập mà sớm sa vào con đường nghiện ngập ma túy dẫn đến phạm tội. Ma túy là một tệ nạn mà Nhà nước ta đang ra sức loại trừ, vì ma túy mà nhiều gia đình bị khuynh gia bại sản, vợ chồng ly tán. Ma túy một mặt ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, mặt khác ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi, là hiểm họa gây nên căn bệnh HIV/AIDS, đồng thời là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải. Đó là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, vì vậy cần có một hình phạt thật nghiêm M đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh bản thân của bị cáo là con nghiện, việc tàng trữ ma túy chỉ nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng, tài sản liên quan:

Đối với 01 chiếc biển kiểm soát 35B1-581.95 và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B1-581.95 mang tên Nguyễn Đức T là tài sản của anh Nguyễn Đức T, do anh T có chiếc xe mô tô BKS 35B1-581.95 có số khung Y018774, số máy 0018817 bị mất từ năm 2016 đến nay chưa tìm thấy, anh T cũng không trình báo cơ quan chức năng. Quá trình điều tra, anh T thấy chiếc biển kiểm soát 35B1-581.95 và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B1-581.95 không còn giá trị sử dụng và không đề nghị nhận lại các tài sản trên, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 phong bì niêm phong theo quy định trên phong bì ghi số 12/KLGD-PC09-MT bên trong đựng chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu N1 có khối lượng 0,0663 gam, N2 có khối lượng 0,1835 gam, N3 có khối lượng 0,1158 gam, đều là ma túy, loại methamphetamine; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 túi niêm phong mã số PS2A 046337 bên trong đựng 01 vỏ hộp trà xanh Thái Nguyên niêm phong vật chứng ban đầu, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 túi niêm phong mã số PS2A 046338 bên trong đựng các mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 và mẫu tóc, tế bào thu giữ của Trương Văn M ký hiệu A1 và C ký hiệu A2 là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream có số khung RLHHA0804AY186035, số máy HAO8E-1486106 gắn biển kiểm soát 35B1-581.95, qua tra cứu số khung số máy xác định chiếc xe này thực chất có BKS 28F1 – 016.55 là xe của anh Trương Duy Đ, sinh năm 1980, trú tại xóm N, xã Y, huyện Y, tỉnh H, anh Đ bị trộm cắp xe mô tô từ tháng 3 năm 2016, tuy nhiên khi mất xe, anh Đ không trình báo cơ quan có thẩm quyền nên chiếc xe này không phải là tang vật của một vụ án do cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết. Chiếc xe này do Trương Văn M mua lại ngay tỉnh của người đàn ông tên H (không rõ lai lịch). Anh Trương Duy Đ đã tự nguyện trả cho Trương Văn M số tiền 5.000.000 đồng để nhận lại xe mô tô trên, bà Phạm Thị H (là mẹ đẻ của M), đại diện theo ủy quyền của M, đã nhận đủ số tiền trên. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Đ, là phù hợp

Đối với số tiền 1.216.000 đồng thu giữ của bị cáo M không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo M nhưng tiếp tục quản lý số tiền 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philip vỏ màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen thu giữ của bị cáo Trương Văn M không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho M.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO mặt sau vỏ màu hồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VTRETU vỏ kim loại màu đen, viền màu nâu và 01 chiếc M nhân dân mang tên C thu giữ của C. Quá trình điều tra xác định, đây là các tài sản của C, không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại các tài sản trên cho chị C, là phù hợp.

Đối với việc Trương Văn M mua lại xe mô tô biển kiểm soát 35B1-581.95 và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B1-581.95 của người đàn ông tên H (không rõ lai lịch) Khi mua, M không biết tài sản trên là tài sản do trộm cắp mà có, do đó

không có căn cứ để xử lý đối với Trương Văn M về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” trong vụ án này.

[9] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo ở khu vực bến xe khách N, thị trấn N, huyện N, tỉnh N do bị cáo M không biết tên tuổi, lai lịch người đàn ông này, Cơ quan điều tra đã điều tra, xác M nhưng không xác định được nên không có đủ căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[10] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự : Tuyên bố bị cáo Trương Văn M(Trương Hữu T) phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Trương Văn M 15(Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/11/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 biển kiểm soát 35B1-581.95 và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B1-581.95 mang tên Nguyễn Đức T; 01 phong bì niêm phong theo quy định trên phong bì ghi số 12/KLGD-PC09-MT bên trong đựng chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu N1 có khối lượng 0,0663 gam, N2 có khối lượng 0,1835 gam, N3 có khối lượng 0,1158 gam, đều là ma túy, loại methamphetamine; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 túi niêm phong mã số PS2A 046337 bên trong đựng 01 vỏ hộp trà xanh Thái Nguyên niêm phong vật chứng ban đầu, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 túi niêm phong mã số PS2A 046338 bên trong đựng các mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 và mẫu tóc, tế bào thu giữ của Trương Văn M ký hiệu A1 và C ký hiệu A2

- Trả lại cho bị cáo Trương Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philip vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen và số tiền 1.216.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý số tiền 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án.(Đặc điểm chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện G và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Trương Văn M phải nộp 200.000(Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh N;
 - VKSND tỉnh N;
 - VKSND huyện G;
 - Trại tạm giam CA tỉnh N;
 - Công an huyện G;
 - Chi cục THADS huyện G;
 - Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
 - Lưu HS, VP;
- (Thông báo cho chính quyền
Địa phương nơi bị cáo cư trú).

NGUYỄN HỮU Q